



www.FencingTime.com

中学男子フルーレ

Pool Results

Tournament: 第2回全国中学生選手権 男子フルーレ

Date: 2016年7月23日 - 10:00

U15MF

1		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
金尾 周平, .	大阪読売千里クラブ	1		D0	D0	D3	D1	0	0.00	4	20	-16
横山 万起, .	仙台フェンシングクラブ	2	V5		V5	V5	D3	3	0.75	18	9	9
西田 亮, .	秋田市ジュニアフェンサーズ	3	V5	D2		V5	D1	2	0.50	13	12	1
弓長 春明, .	タウンクワンフェンシングアカデミー	4	V5	D2	D2		D0	1	0.25	9	18	-9
ジュリアン ガッツチョーク, .	東京フェンシングスクール	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	5	15

2		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
三浦 知哉, .	東京フェンシングスクール	1		D1	V5	D2	V5	2	0.50	13	13	0
ビューワーニック ダグラス, .	三島フェンシングクラブ	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	4	16
廣瀬 歩, .	福島市フェンシングクラブ	3	D3	D0		D0	V5	1	0.25	8	17	-9
飯村 一輝, .	龍谷大学付属平安中学校	4	V5	D3	V5		V5	3	0.75	18	8	10
秋山 亮, .	京都フューチャーフェンシングクラブ	5	D0	D0	D2	D1		0	0.00	3	20	-17

3		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
古橋 涼樹, .	愛知工業大学附属中学校	1		D4	D1	V5	V5	2	0.50	15	15	0
姫野 惇, .	八王子フェンシング	2	V5		D2	D3	V5	2	0.50	15	15	0
藤澤 将匡, .	本吉町フェンシング協会	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	4	16
阿部 陽馬, .	札幌大谷中学校	4	D4	V5	D1		D4	1	0.25	14	18	-4
青木 武蔵, .	沼田フェンシングクラブ	5	D1	D1	D0	V5		1	0.25	7	19	-12

4		
----------	--	--

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
佐野 航琉, .	富山パレスフェンシングクラブ	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	8	12
佐藤 謙太郎, .	三田フェンシングクラブ普通部	2	D3		D2	V5	V5	2	0.50	15	17	-2
河村 一摩, .	はしまモア	3	D1	V5		V5	V5	3	0.75	16	11	5
横井 健人, .	速星中学校	4	D1	D3	D4		V5	1	0.25	13	18	-5
原 翔吾, .	箕輪中学校	5	D3	D4	D0	D3		0	0.00	10	20	-10

5

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
櫻田 鷹野, .	ニッ井ジュニアフェンシングチーム	1		V5	D1	D3	D2	1	0.25	11	17	-6
千 大慶, .	立命館中学校	2	D2		D1	V5	V5	2	0.50	13	15	-2
仙波 響, .	河内ジュニア	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	4	16
福井 琢磨, .	慶應義塾湘南藤沢中等部	4	V5	D3	D0		V5	2	0.50	13	15	-2
大貫 翼, .	おおたスポーツアカデミー	5	V5	D2	D2	D2		1	0.25	11	17	-6

6

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
福島 知哉, .	鹿児島JR.フェンシングクラブ	1		D2	D0	D0	D0	0	0.00	2	20	-18
大杉 俊之, .	早稲田中学校	2	V5		D1	D1	D4	1	0.25	11	17	-6
山本 裕太郎, .	札幌クラブ	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	3	17
坪 颯登, .	青森ジュニアクラブ	4	V5	V5	D1		V5	3	0.75	16	7	9
長沼 偉穂, .	前橋フェンシングクラブ	5	V5	V5	D1	D1		2	0.50	12	14	-2

7

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
柳原 健二郎, .	ゴールドジム戸塚神奈川フェンシングクラブ	1		D1	D3	D1	V5	1	0.25	10	17	-7
新井 謙信, .	立教新座中学校	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	1	19
堀川 響生, .	大山崎中学校	3	V5	D0		D2	D1	1	0.25	8	18	-10
田中 駿也, .	箕輪中学校	4	V3	D0	V5		D2	2	0.50	10	13	-3
滝口 峽, .	アプルス	5	D4	D0	V5	V5		2	0.50	14	13	1

8

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
鈴木 統吾, .	ワセダクラブ	1		D2	V5	D4	V5	2	0.50	16	12	4
鍵本 開里, .	大分県立大分豊府中学校	2	V5		D3	V4	V5	3	0.75	17	10	7
藤田 聖, .	札幌大谷中学校	3	D0	V5		D1	D2	1	0.25	8	18	-10
関原 麗允, .	沼田フェンシングクラブ	4	V5	D2	V5		V5	3	0.75	17	10	7
Ji SHIYU, .	北京 (BEIJING)	5	D2	D1	V5	D1		1	0.25	9	17	-8

9

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
堀部 聖太, .	岩国JFC	1		D2	V5	V5	V5	3	0.75	17	6	11
Yeung Kwan Chun Duncan, .	FENCING ALLIANCE CLUB (HK)	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	2	18
石井 豪, .	ジュニア・フェンシング・OITA	3	D0	D0		V5	V5	2	0.50	10	13	-3
菅原 豊史, .	気仙沼フェンシング協会	4	D1	D0	D1		D2	0	0.00	4	20	-16
松岡 誠治, .	エスコラピオス学園海星中学校	5	D0	D0	D2	V5		1	0.25	7	17	-10

10

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
三浦 優斗, .	箕輪中学校	1		D1	V5	D2	D1	1	0.25	9	18	-9
磯部 晴貴, .	杉並ジュニアFT	2	V5		V5	V5	D2	3	0.75	17	10	7
菊次 祐紀, .	フェンサーズファクトリー	3	D3	D2		V5	V5	2	0.50	15	14	1
鈴木 宏宗, .	米沢市フェンシングスポーツ少年団	4	V5	D2	D1		D3	1	0.25	11	16	-5
西村 啓佑, .	京都きつず	5	V5	V5	D3	V4		3	0.75	17	11	6

11

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
酒井 哉瑠, .	フェンシングステージ	1		D0	D2	D2	V5	1	0.25	9	16	-7
馬場 俊輔, .	大塚ジュニアフェンシングクラブ	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	0	20
杉岡 瑞基, .	長野ジュニアフェンシングクラブ	3	V5	D0		V5	V5	3	0.75	15	12	3
辻村 誠次朗, .	京都フューチャーフェンシングクラブ	4	V5	D0	D1		V5	2	0.50	11	14	-3
山根 颯人, .	明石ジュニアフェンシング	5	D1	D0	D4	D2		0	0.00	7	20	-13

12

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
石井 達哉, .	立教新座中学校	1		D3	V5	D3	V5	2	0.50	16	15	1
坂藤 秀昌, .	三田フェンシングクラブ普通部	2	V4		V5	D2	D3	2	0.50	14	13	1
西村 勇治, .	津フェンシングクラブ	3	D2	D0		D0	D1	0	0.00	3	20	-17
桑原 昌澄, .	京都フューチャーフェンシングクラブ	4	V5	V5	V5		D0	3	0.75	15	10	5
京極 光志, .	河内ジュニア	5	D4	V5	V5	V5		3	0.75	19	9	10

13

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
大塚 昂輝, .	東京OHMEフェンシングクラブ	1		V5	V5	D4	D4	2	0.50	18	16	2
川村 海以, .	気仙沼フェンシング協会	2	D2		D2	V5	D4	1	0.25	13	17	-4
木下 秀信, .	慶應中等部	3	D4	V5		D1	D2	1	0.25	12	17	-5
柏原 翔太, .	平生フェンシングクラブ	4	V5	D2	V5		V5	3	0.75	17	11	6
力武 優斗, .	清風中学校	5	V5	V5	V5	D1		3	0.75	16	15	1

14

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
北村 創拓, .	東京OHMEフェンシングクラブ	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	2	18
伊藤 遼貴, .	津フェンシングクラブ	2	D1		D3	D2	V5	1	0.25	11	18	-7
JIA TIAN YU, .	北京(BEIJING)	3	D1	V5		V5	V5	3	0.75	16	11	5
阿部 航大, .	法政大学第二中学校	4	D0	V5	D2		V5	2	0.50	12	15	-3
中澤 泰人, .	鶯谷中学校	5	D0	D3	D1	D3		0	0.00	7	20	-13

15

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
須田 高基, .	沼田フェンシングクラブ	1		D2	D1	D0	D2	0	0.00	5	20	-15
渡辺 大成, .	松江フェンシングクラブ	2	V5		D0	D3	D1	1	0.25	9	17	-8
西口 泰嵩, .	和北ジュニアクラブ	3	V5	V5		V5	D3	3	0.75	18	7	11
福原 大雅, .	青森ジュニアクラブ	4	V5	V5	D1		D3	2	0.50	14	13	1
中村 健人, .	箕輪中学校	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	9	11

16

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
大竹 凜, .	姫路ハクチョウFC	1		D2	V5	V5	V5	3	0.75	17	11	6
古川 真明, .	諫早クラブ	2	V5		D2	V5	V5	3	0.75	17	10	7
井門 孝紀, .	立教新座中学校	3	D3	V5		V5	V5	3	0.75	18	8	10
阿部 真斗, .	開成中学校	4	D1	D0	D0		D2	0	0.00	3	20	-17
才木 良太, .	富山パレスフェンシングクラブ	5	D2	D3	D1	V5		1	0.25	11	17	-6

17

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
浅田 晃生, .	立教新座中学校	1		D4	V5	D1	V5	2	0.50	15	14	1
高木 夢生, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	2	V5		V5	D1	V5	3	0.75	16	12	4
入江 真翔, .	今別中学校	3	D1	D3		D3	D4	0	0.00	11	20	-9
北沢 滉稀, .	横浜フェンサーズ	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	7	13
服部 将明, .	大山崎中学校	5	D3	D0	V5	D2		1	0.25	10	19	-9

18

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
関口 光一, .	立教新座中学校	1		V5	D3	V5	V4	3	0.75	17	6	11
崎 遼太郎, .	大山崎中学校	2	D0		D3	V5	V5	2	0.50	13	17	-4
千田 順正, .	ダウンタウンフェンシングアカデミー	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	11	9
岡部 颯介, .	龍谷大学付属平安中学校	4	D0	D3	D1		D4	0	0.00	8	20	-12
今井 勇樹, .	台東ジュニアフェンシングクラブ	5	D1	D4	D4	V5		1	0.25	14	18	-4

19

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
岡田 卓巳, .	開成中学校	1		D1	D2	V5	V5	2	0.50	13	17	-4
高谷 康太郎, .	大山崎中学校	2	V5		D1	V5	D3	2	0.50	14	15	-1
勅使河原 明日架, .	はしまモア	3	V5	V5		V5	V4	4	1.00	19	7	12
大谷 謙介, .	アプルス	4	D3	D4	D3		D0	0	0.00	10	20	-10
津森 志道, .	松江フェンシングクラブ	5	D4	V5	D1	V5		2	0.50	15	12	3

20

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
小野 颯真, .	S・E・Aスポーツクラブ	1		V5	D2	D3	V5	2	0.50	15	17	-2
吉田 充希, .	清風中学校	2	D3		D1	D1	D0	0	0.00	5	20	-15
高橋 未楽, .	立教新座中学校	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	7	13
土肥 駿介, .	慶應義塾湘南藤沢中等部	4	V5	V5	D1		D1	2	0.50	12	14	-2
大竹 諒, .	姫路ハクチョウFC	5	D4	V5	D3	V5		2	0.50	17	11	6

21

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
奥田 玲大, .	はしまモア	1		V5	D3	D2	D3	1	0.25	13	17	-4
島村 竜一, .	開成中学校	2	D2		D0	D0	D0	0	0.00	2	20	-18
橋本 祥英, .	立教新座中学校	3	V5	V5		D2	V5	3	0.75	17	8	9
市川 恋羽, .	前橋フェンシングクラブ	4	V5	V5	V5		V4	4	1.00	19	5	14
本間 英太, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	5	V5	V5	D0	D1		2	0.50	11	12	-1

22

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
仙葉 遼輔, .	秋田市ジュニアフェンサーズ	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	4	16
蜂屋 拓磨, .	アプルス	2	D0		D0	V5	V5	2	0.50	10	15	-5
永原 正大, .	速星中学校	3	D1	V5		V5	V5	3	0.75	16	7	9
嶋原 愛義人, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	4	D3	D2	D2		V5	1	0.25	12	16	-4
安倍 剛志, .	むつジュニアフェンシングクラブ	5	D0	D3	D0	D1		0	0.00	4	20	-16

23

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山本 直輝, .	埼玉エスクリム	1		D4	D4	D3	V5	1	0.25	16	17	-1
大石 雅弘, .	ジュニア・フェンシング・OITA	2	V5		D4	V5	V5	3	0.75	19	11	8
高橋 拳一, .	沼津フェンシングクラブ	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	14	6
澁谷 和典, .	清風中学校	4	V5	D1	D3		D4	1	0.25	13	18	-5
今井 基貴, .	大山崎中学校	5	D2	D1	D3	V5		1	0.25	11	19	-8

24

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山口 改, .	和北ジュニアクラブ	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	5	15
吉田 圭吾, .	松山ジュニアフェンシングクラブ	2	D4		V5	D1	V5	2	0.50	15	17	-2
宮本 峻輔, .	水戸クラブ	3	D1	D3		V5	D0	1	0.25	9	19	-10
関谷 拓実, .	沼津フェンシングクラブ	4	D0	V5	D4		V5	2	0.50	14	12	2
荒木 虎義, .	龍谷大学付属平安中学校	5	D0	D4	V5	D1		1	0.25	10	15	-5

25

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
大塚 一慧, .	タウンタウンフェンシングアカデミー	1		D4	D1	V5	D3	1	0.25	13	19	-6
内ヶ崎 良磨, .	仙台フェンシングクラブ	2	V5		D4	V5	V4	3	0.75	18	13	5
SUN JINFENG, .	北京 (BEIJING)	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	9	11
山代屋 和史, .	岩国JFC	4	D4	D1	D3		V5	1	0.25	13	17	-4
有働 隆汰, .	鹿児島JR.フェンシングクラブ	5	V5	D3	D1	D2		1	0.25	11	17	-6

26

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
JIANGO CUNXUAN, .	北京 (BEIJING)	1		V5	V5	V5	D2	3	0.75	17	11	6
奈須野 拓人, .	富山パルスフェンシングクラブ	2	D1		D1	V5	D3	1	0.25	10	18	-8
鎌田 雄成, .	和歌山エスクリムズ	3	D2	V5		D4	V5	2	0.50	16	15	1
荻田 恒靖, .	上宮中学校	4	D3	D3	V5		D3	1	0.25	14	19	-5
加藤 響, .	愛知工業大学附属中学校	5	V5	V5	D4	V5		3	0.75	19	13	6

27

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
西脇 裕馬, .	上宮中学校	1		V5	V5	V5	D0	3	0.75	15	10	5
大井 龍基, .	三田フェンシングクラブ普通部	2	D1		V5	D3	D0	1	0.25	9	17	-8
大高 凌雅, .	早稲田中学校	3	D2	D2		D3	D0	0	0.00	7	20	-13
高山 幸大, .	鹿児島JR.フェンシングクラブ	4	D2	V5	V5		D0	2	0.50	12	16	-4
森 大翔, .	和北ジュニアクラブ	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	0	20

28

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山田 黎乙, .	早稲田中学校	1		D2	D0	D3	D1	0	0.00	6	20	-14
原 知也, .	立教新座中学校	2	V5		D3	V5	D3	2	0.50	16	16	0
上出 日向, .	板橋フェンシングクラブ	3	V5	V5		V5	V4	4	1.00	19	9	10
HE MINGRUI, .	北京 (BEIJING)	4	V5	D4	D3		D4	1	0.25	16	18	-2
菅原 佑人, .	ニッポンジュニアフェンシングチーム	5	V5	V5	D3	V5		3	0.75	18	12	6

29

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
京山 幸世, .	埼玉栄中学校	1		V5	V5	D1	V5	3	0.75	16	9	7
水野 功喜, .	津フェンシングクラブ	2	D0		V5	D4	V5	2	0.50	14	13	1
細川 日向, .	慶應義塾湘南藤沢中等部	3	D4	D1		D2	V5	1	0.25	12	16	-4
大野 潤平, .	大山崎中学校	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	7	13
横岡 和也, .	今別中学校	5	D0	D2	D1	D0		0	0.00	3	20	-17

30

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
岩本 青龍, .	中京大学JR.	1		V5	D3	D2	D3	1	0.25	13	18	-5
村上 怜央, .	慶應中等部	2	D3		D0	D0	D1	0	0.00	4	20	-16
菊池 翔, .	ニッポンジュニアフェンシングチーム	3	V5	V5		V3	V5	4	1.00	18	9	9
國枝 契太, .	大垣フェンシングクラブ	4	V5	V5	D2		D3	2	0.50	15	10	5
小杉 海翔, .	富山パルスフェンシングクラブ	5	V5	V5	D4	V5		3	0.75	19	12	7

31

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
小久保 真旺, .	鳥羽フェンシングクラブ	1		D2	D1	V5	V5	2	0.50	13	12	1
YANG JIAYI, .	北京 (BEIJING)	2	V5		D1	V5	V5	3	0.75	16	9	7
島内 遥大, .	タウンタウンフェンシングアカデミー	3	V5	V4		V5	V5	4	1.00	19	2	17
宇野 真央, .	龍谷大学付属平安中学校	4	D0	D0	D0		V5	1	0.25	5	18	-13
太田 智也, .	長野ジュニアフェンシングクラブ	5	D2	D3	D0	D3		0	0.00	8	20	-12

32

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山田 一八, .	高松北中学校	1		V5	V5	D2	D4	2	0.50	16	14	2
佐伯 新, .	松山ジュニアフェンシングクラブ	2	D3		V5	V5	V5	3	0.75	18	13	5
対馬 陸, .	今別中学校	3	D1	D1		D0	V5	1	0.25	7	19	-12
森平 和希, .	聖籠ジュニアフェンシングクラブ	4	V5	D3	V5		V5	3	0.75	18	8	10
若林 凜太郎, .	慶應義塾湘南藤沢中等部	5	V5	D4	D4	D1		1	0.25	14	19	-5

33

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
井上 巖優, .	各電ジュニアフェンシングクラブ	1		D1	D2	D2	D2	0	0.00	7	20	-13
坂本 皓陽, .	札幌大谷中学校	2	V5		V5	V5	D2	3	0.75	17	10	7
土井 薫, .	沼田フェンシングクラブ	3	V5	D1		D3	D0	1	0.25	9	17	-8
若林 知海, .	婦中JFC	4	V5	D3	V5		V5	3	0.75	18	13	5
小田 翔一郎, .	ジュニア・フェンシング・OITA	5	V5	V5	V5	D3		3	0.75	18	9	9

34

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
池田 倅太郎, .	龍谷大学付属平安中学校	1		D2	D0	D1	D0	0	0.00	3	20	-17
松本 純也, .	沼田フェンシングクラブ	2	V5		D3	D3	D0	1	0.25	11	17	-6
須藤 嶺央, .	法政大学第二中学校	3	V5	V5		V5	D4	3	0.75	19	9	10
片岡 竜太, .	立教新座中学校	4	V5	V5	D1		D2	2	0.50	13	14	-1
久保田 匠, .	札幌大谷中学校	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	6	14

35

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
矢後 吟史朗, .	婦中JFC	1		V5	D0	D1	D0	1	0.25	6	19	-13
スィーモア ショーン パトリック, .	東京フェンシングスクール	2	D4		D0	D2	D0	0	0.00	6	20	-14
田内 稜大, .	はしまモア	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	3	17
小野寺 隼人, .	気仙沼フェンシング協会	4	V5	V5	D0		D1	2	0.50	11	13	-2
小貫 暁人, .	市川FC	5	V5	V5	D3	V5		3	0.75	18	6	12

36

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
平櫛 秀也, .	沼津フェンシングクラブ	1		D0	D1	D2	D2	0	0.00	5	20	-15
村田 慧太, .	速星中学校	2	V5		D2	D3	D0	1	0.25	10	15	-5
武井 琉晟, .	宇都宮フェンシングクラブ	3	V5	V5		V5	D3	3	0.75	18	11	7
佐藤 貴宣, .	開成中学校	4	V5	V5	D3		D0	2	0.50	13	15	-2
坪 颯馬, .	青森ジュニアクラブ	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	5	15

37

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
齋藤 駿, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	1		D1	D1	V5	D4	1	0.25	11	16	-5
葉 ローランド秀峰, .	JOCエリートアカデミー	2	V5		D4	V5	V5	3	0.75	19	10	9
大西 ひかる, .	米沢市フェンシングスポーツ少年団	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	8	12
赤羽 正輝, .	南箕輪わくわくクラブ	4	D1	D3	D3		D1	0	0.00	8	20	-12
藤原 唯月, .	慶應義塾湘南藤沢中等部	5	V5	D1	D0	V5		2	0.50	11	15	-4

38

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
貝沼 侑哉, .	養老FC	1		D3	V5	V5	V5	3	0.75	18	8	10
山田 樹生, .	大分県立大分豊府中学校	2	V5		D4	V5	D2	2	0.50	16	13	3
丹羽 健人, .	龍谷大学付属平安中学校	3	D1	V5		V5	D1	2	0.50	12	15	-3
菅野 李喜, .	川俣町フェンシングスポーツ少年団	4	D2	D0	D1		D1	0	0.00	4	20	-16
竹井 耀一, .	松山ジュニアフェンシングクラブ	5	D0	V5	V5	V5		3	0.75	15	9	6

39

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
玉本 侑輝, .	光ヶ丘フェンシングクラブ	1		V5	D2	V5	V5	3	0.75	17	12	5
菅波 純, .	ワセダクラブ	2	D4		D0	D1	V5	1	0.25	10	16	-6
藤原 大二郎, .	松江フェンシングクラブ	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	6	14
井口 涼太, .	沼田フェンシングクラブ	4	D3	V5	D4		V5	2	0.50	17	12	5
菰瀨 大城, .	高松北中学校	5	D0	D1	D0	D1		0	0.00	2	20	-18

40

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
遠藤 虎太郎, .	箕輪中学校	1		D0	D4	V5	D1	1	0.25	10	18	-8
藤山 穂, .	法政大学第二中学校	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	5	15
木内 博哉, .	高松北中学校	3	V5	D3		V5	V5	3	0.75	18	11	7
中村 響一郎, .	むつジュニアフェンシングクラブ	4	D3	D0	D1		D2	0	0.00	6	20	-14
伊勢 碧, .	徳島クラブ	5	V5	D2	D1	V5		2	0.50	13	13	0

41

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
高田 恭成, .	米沢市フェンシングスポーツ少年団	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	12	8
金子 直人, .	慶應中等部	2	D4		D0	V5	D1	1	0.25	10	15	-5
吉弘 航平, .	松山ジュニアフェンシングクラブ	3	D3	V5		V5	V5	3	0.75	18	10	8
袴田 脩也, .	IWATA FENCING CLUB	4	D1	D0	D1		D1	0	0.00	3	20	-17
加藤 颯人, .	はしまモア	5	D4	V5	D4	V5		2	0.50	18	12	6

42

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
石井 和真, .	立教新座中学校	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	5	15
荒木 道憲, .	札幌大谷中学校	2	D3		V5	V5	V5	3	0.75	18	9	9
笹山 実郷, .	速星中学校	3	D1	D2		V5	V5	2	0.50	13	12	1
渡邊 遼太郎, .	日本フェンシング研究会	4	D1	D2	D1		V5	1	0.25	9	16	-7
大前 篤史, .	高松北中学校	5	D0	D0	D1	D1		0	0.00	2	20	-18

43

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
前田 一心, .	NPO法人 大平スポーツネット	1		V5	V5	V5	V5	4	1.00	20	4	16
中村 隆志, .	早稲田中学校	2	D0		V5	V5	D1	2	0.50	11	15	-4
杉浦 亘, .	開成中学校	3	D1	D3		D2	D1	0	0.00	7	20	-13
岩口 洸輝, .	アレフフェンシング	4	D0	D2	V5		D1	1	0.25	8	17	-9
水野 怜央名, .	三田フェンシングクラブ普通部	5	D3	V5	V5	V5		3	0.75	18	8	10

44

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
小崎 一磨, .	鳥羽フェンシングクラブ	1		V5	V5	D1	D1	2	0.50	12	17	-5
田中 純, .	今別中学校	2	D3		D2	D2	D1	0	0.00	8	20	-12
清水 俊匡, .	柿の木台スケルマ	3	D4	V5		D0	V5	2	0.50	14	16	-2
猪狩 つばさ, .	仙台フェンシングクラブ	4	V5	V5	V5		D4	3	0.75	19	8	11
太田 拓暉, .	愛知工業大学附属中学校	5	V5	V5	D4	V5		3	0.75	19	11	8